

Số: 26/2025/QĐST -HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 08 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÁI NGUYÊN

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Âu Văn Hồ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Văn Tôn

2. Ông Lê Đức Thành

Căn cứ vào các Điều 147, 212, 213, 217, 235, 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành quy định mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 287/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn*”.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Đức T, sinh năm 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: TDP P.L, phường B.S, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên
(nay là TDP P.L, phường P.T, tỉnh Thái Nguyên)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Thiệu Thị Thanh H – Văn phòng luật sư Hà Thái thuộc đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 15, phường P, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên (nay là phường P, tỉnh Thái Nguyên)

- **Bị đơn:** Chị Trần Thị Kim D, sinh năm 1981 (Có mặt)

Địa chỉ: TDP P.L, phường B.S, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (nay là TDP P.L, phường P.T, tỉnh Thái Nguyên)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Phạm Thị Hồng V – Công ty Luật TNHH Phạm Vân thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội (Có mặt)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Trần Đức T và chị Trần Thị Kim D, đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Có 02 con chung là cháu Trần Thùy D1 (sinh ngày 30/01/2003) và cháu Trần Chinh C (sinh ngày 09/10/2009).

Hai bên thỏa thuận, chị Trần Thị Kim D có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Trần Chinh C đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không bị cản trở.

Cháu Trần Thùy D1 đã đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** Anh Trần Đức T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con Trần Chinh C mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu ngàn đồng) tính từ tháng 8/2025 đến khi cháu C trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác.

- **Về tài sản chung:** Do chị Trần Thị Kim D rút yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn nên đình chỉ yêu cầu chia tài sản đối với nhà và đất tại thửa đất số 572a, tờ bản đồ 68, địa chỉ: phường B.S, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (nay là phường P.T, tỉnh Thái Nguyên).

- **Về án phí:** Anh Trần Đức T phải chịu 300.000. đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001402 ngày 25 tháng 12 năm 2024, tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (nay là Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 2 - Thái Nguyên). Anh T còn phải chịu án phí án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Hoàn trả chị Trần Thị Kim D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng) theo biên lai thu số 0001515 ngày 12 tháng 3 năm

2025, tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Phô Yên, tỉnh Thái Nguyên (nay là Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 2 Thái Nguyên).

Về chi phí tố tụng: Chị Trần Thị Kim D tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng (xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản) là 8.300.000đ (Tám triệu ba trăm nghìn đồng). Xác nhận bà D đã nộp 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và đã hoàn trả bà D 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng).

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND khu vực 2 – Thái Nguyên;
- Phòng THADS Khu vực 2 – Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- UBND phường P.T;
- Lưu HS, VP;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Âu Văn Hồ

